

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y – DƯỢC VIỆT NAM



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

NIÊN KHÓA: 2025-2028

ĐÀ NẴNG, THÁNG NĂM 20....

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam

Tên ngành, nghề: Y sĩ đa khoa

Mã ngành, nghề: 6720101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Thời gian học thực hành, thực tập: 1756 giờ

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề khám chữa bệnh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giúp sinh viên áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe, thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác một số/các bệnh lý thông thường ở tuyến Y tế cơ sở.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Mục tiêu chuẩn đầu ra

CĐR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc sức khỏe.

CĐR 2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe, thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác một số/các bệnh lý thông thường ở tuyến Y tế cơ sở.

CĐR 3. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, nhiệm vụ ở tuyến Y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

CĐR 4. Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

CĐR 5. Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho cán bộ y tế, người bệnh, gia đình và cộng đồng.

CĐR 6. Tham gia quản lý công tác điều trị chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác ở tuyến Y tế cơ sở để điều trị, chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

CĐR 7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong điều trị, chăm sóc người bệnh.

CĐR 8. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

CĐR 9: Trình độ Ngoại ngữ: có trình độ có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên.

CĐR 10: Trình độ Tin học: có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT

1.2.2. Về kiến thức

- Khỏi kiến thức chung

+ Vận dụng được các kiến thức về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

+ Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong phục vụ người bệnh và nghiên cứu khoa học.

+ Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

+ Đánh giá, phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

- Kiến thức chung theo lĩnh vực

+ Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh để giải thích các hiện tượng bệnh lý.

+ Phân tích được các hiện tượng, các cơ chế hoạt động, nguyên lý vận hành của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị.

+ Tiếp cận được với các kiến thức sinh học và kỹ thuật y được hiện đại.

- *Kiến thức chung của khối ngành*

+ Vận dụng được kiến thức cốt lõi về khoa học sức khỏe và các mối liên quan giữa sức khỏe với các yếu tố môi trường, xã hội.

+ Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý-xã hội.

- *Kiến thức chung của nhóm ngành và ngành*

+ Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc và hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.

+ Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.

+ Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích các triệu chứng bệnh lý của người bệnh.

+ Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.

+ Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.

- *Kiến thức thực tập và tốt nghiệp*

Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích và đánh giá các vấn đề sức khỏe tại Bệnh viện và cộng đồng trước khi trở thành bác sĩ đa khoa.

1.2.3. Về kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề

+ Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề sức khỏe.

+ Chỉ định và phân tích được kết quả các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản.

- + Chẩn đoán được một số bệnh thông thường.
- + Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp.
- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề
- + Xây dựng được giả thuyết về sức khỏe và bệnh tật.
- + Đánh giá, phân tích được vấn đề sức khỏe.
- + Đề xuất giải pháp và giải quyết được các vấn đề sức khỏe.
- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá
- + Có khả năng hình thành giả thuyết nghiên cứu.
- + Có kỹ năng thu thập thông tin.
- + Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.
- + Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.
- Kỹ năng tư duy theo hệ thống
- + Phân tích được mối liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế-xã hội.
- + Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- + Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết.
- + Có tư duy phân tích đa chiều các vấn đề sức khỏe, bệnh tật.
- Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
- + Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của Y sĩ đa khoa đối với xã hội.
- + Đáp ứng chuẩn mực của xã hội về ngành y và Y sĩ đa khoa.
- + Đánh giá sự phát triển và các vấn đề sức khỏe toàn cầu đến nghề nghiệp.
- Bối cảnh tổ chức
- + Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị.
- + Xây dựng được kế hoạch và phát triển đơn vị.
- + Tạo được mối liên hệ với các đối tác chủ yếu.
- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn

- + Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị trong đơn vị.
- + Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.
- Năng lực sáng tạo, phát triển và khả năng thay đổi trong chuyên môn.
- + Cải tiến các kỹ thuật chăm sóc, điều trị.
- + Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.
- + Có năng lực làm việc trong các vị trí khác nhau trong đơn vị.

Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ
- + Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.
- + Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.
- + Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
- + Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.
- Kỹ năng làm việc nhóm
- + Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.
- + Liên kết được các nhóm.
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo
- + Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.
- + Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.
- + Liên kết được với các đối tác chủ yếu.
- Giao tiếp
- + Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp.
- + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông
- + Khả năng thuyết trình lưu loát.
- + Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...

- Sử dụng ngoại ngữ: tiếng Anh A2
- Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo phần mềm thông dụng SPSS.

1.2.4. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, bệnh nhân và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe;
- Trung thực, khách quan, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Đạo đức cá nhân

- + Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.
- + Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo.
- + Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp, người bệnh.
- Đạo đức nghề nghiệp
- + Tận tâm, tận lực, trung thực và trách nhiệm.
- + Tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- + Văn hóa ứng xử của thầy thuốc (12 điều y đức).

- Đạo đức xã hội

- + coi trọng nền y học cổ truyền dân tộc.
- + Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- + Giữ gìn và quảng bá hình ảnh người Y sĩ đa khoa trong xã hội

2. Nội dung đào tạo thực hành

Các môn học trong chương trình được xây dựng trên cơ sở khung chương trình đào tạo ngành Y sĩ đa khoa, bảo đảm tính khoa học, hệ thống, gắn kết giữa lý thuyết và thực hành, đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ cao đẳng. Các môn thực hành được triển khai tại phòng thí nghiệm, phòng chức năng của trường và

đặc biệt là thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế liên kết, phù hợp với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ cao đẳng, các môn bao gồm:

MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
		Số tín chỉ	Số tiết	Trong đó		
				LT	TH	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương					
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh cơ sở)	4	120	42	72	6
MH06	Tin học	3	75	15	58	2
II.	Các môn học chuyên ngành					
II.1	Môn học cơ sở					
MĐ 01	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	29	28	3
MĐ 02	Vi sinh – ký sinh	2	45	14	29	2
MĐ 03	Sinh lý bệnh miễn dịch	2	45	14	29	2
MĐ 04	Hoá sinh	2	45	14	29	2
MĐ 05	Giải phẫu sinh lý	3	60	29	28	3
MĐ 06	Dược lý	3	60	29	28	3
MĐ 07	Kỹ thuật điều dưỡng	3	60	29	28	3
MĐ 08	Thực hành Lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng	2	60	0	60	0
II.2	Môn học chuyên môn ngành					
MĐ 10	Bệnh học người lớn 1	3	60	30	25	5
MĐ 11	Bệnh học người lớn 2	3	60	30	25	5
MĐ 12	Bệnh học người lớn 3	4	75	45	25	5

MĐ 13	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 1	3	90	0	85	5
MĐ 14	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 2	3	90	0	85	5
MĐ 15	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 3	3	90	0	85	5
MĐ 16	Sản	3	60	30	25	5
MĐ 17	Thực hành lâm sàng Sản	2	60	0	55	5
MĐ 18	Thống kê y học - Nghiên cứu khoa học	2	45	15	28	2
MĐ 19	Nhi	2	45	15	28	2
MĐ 20	Thực hành lâm sàng Nhi	2	60	0	55	5
MĐ 21	Cấp cứu - cấp cứu ngoại viện	2	45	15	28	2
MĐ 22	Lâm sàng Cấp cứu, cấp cứu ngoại viện	2	60	0	55	5
MĐ 23	Lâm sàng Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	2	60	0	55	5
MĐ 25	Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	3	90	0	85	5
MĐ 28	Thực tập Lâm sàng nghề nghiệp	3	135	0	130	5
MĐ 29	Khóa luận tốt nghiệp/Học môn thay thế	5	300	15	285	0
II.3	Mô đun/môn học tự chọn					
Nhóm 1-Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng						
MĐ 26	Lâm sàng Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	60	0	55	5
Nhóm 2- Bệnh chuyên khoa nâng cao						
MĐ 27	Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	2	60	0	55	5

3. Tiến trình đào tạo

Kế hoạch đào tạo thực hành của ngành Y sĩ đa khoa hệ cao đẳng được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch tiến độ đào tạo chung của trường. Trong đó đã phân bổ chi tiết từng học phần theo kỳ học và giảng viên phụ trách. Để thuận tiện tra cứu các học phần thực hành thuộc chương trình này, danh mục các môn thực hành được trích dẫn và trình bày tại **Phụ lục 1** kèm theo.

4. Danh sách sinh viên

Danh sách sinh viên được phân bổ vào lớp học tùy theo quy mô giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu cầu học tập và đảm bảo chất lượng người dạy. Quy mô lớp học bao gồm: Lớp lý thuyết không quá 35 học viên, học sinh, sinh viên. Lớp học thực hành, tích hợp không quá 18 học viên, học sinh, sinh viên đối với nghề bình thường; không quá 10 học viên, học sinh, sinh viên đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm Danh sách sinh viên tham gia đào tạo thực hành được đính kèm tại **Phụ lục 2** của kế hoạch này.

5. Danh sách người giảng dạy thực hành

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo tiến hành phân bổ và bố trí đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn học bảo đảm đúng tiêu chuẩn trình độ, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm như sau:

5.1. Năng lực chuyên môn

❖ Trình độ chuyên môn

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết
 - a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;
 - b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy;
 - c) Có kiến thức về ngành, nghề liên quan;
 - d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy.
2. Đối với nhà giáo dạy thực hành
 - a) Có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bậc 3 hoặc

chứng nhận bậc thợ 5/7, 4/6 trở lên hoặc chứng nhận nghề nhân nhân dân, nghề sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương;

- b) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- c) Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- d) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp

a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy để dạy thực hành trình độ cao đẳng sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bậc 3 hoặc chứng nhận bậc thợ 5/7, 4/6 trở lên hoặc chứng nhận nghề nhân nhân dân, nghề sĩ nhân dân, thầy thuốc nhân dân hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương;

- b) Nắm vững kiến thức ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- c) Có kiến thức về ngành, nghề liên quan;
- d) Hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- đ) Thực hiện thành thạo các kỹ năng của ngành, nghề được phân công giảng dạy;
- e) Tổ chức thành thạo các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ ngành, nghề được phân công giảng dạy.

❖ Trình độ ngoại ngữ

1. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.

2. Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy; mô tả được một số công việc cơ bản của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

❖ Trình độ tin học

1. Có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và

Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên.

2. Sử dụng thành thạo phần mềm dạy học chuyên ngành để thiết kế bài giảng, tài liệu giảng dạy.

5.2. Năng lực sư phạm

❖ Trình độ nghiệp vụ sư phạm và thời gian tham gia giảng dạy

1. Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng hoặc tương đương.

2. Có thời gian tham gia giảng dạy ít nhất 12 tháng.

Danh sách và thông tin chi tiết về giảng viên được trình bày tại **Phụ lục 4** kèm theo văn bản này.

Phụ lục 1: Tiến độ đào tạo ngành Y sĩ đa khoa

Kì	Thời gian	Tên môn học/ mô đun
1	Bắt đầu 08/2025 kết thúc 12/2025	Tâm lý người bệnh- Y đức
		Pháp luật
		Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh cơ sở)
		Giao tiếp - Giáo dục SK trong thực hành y khoa
		Giải phẫu sinh lý
		Vi sinh – ký sinh
		Môi trường và sức khỏe
Kì	Thời gian	Tên môn học/ mô đun
2	Bắt đầu 01/2026 kết thúc 05/2026	Hóa sinh
		Giáo dục thể chất
		Tiếng anh chuyên ngành
		Kỹ thuật điều dưỡng
		TH lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng
		Sinh lý bệnh miễn dịch
		Giáo dục Quốc phòng - An ninh
		Tin học
Kì	Thời gian	Tên môn học/ mô đun
3	Bắt đầu 07/2026 kết thúc 12/2026	Bệnh học người lớn 1 (Bệnh nội khoa)
		Bệnh học người lớn 2 (Bệnh ngoại khoa)
		Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 1 (TH bệnh nội khoa)
		Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 2 (TH bệnh ngoại khoa)

		Y học gia đình
		Giáo dục chính trị
		Dược lý
Kì	Thời gian	Tên môn học/ mô đun
4	Bắt đầu 01/2027 kết thúc 05/2027	Bệnh học người lớn 3(Bệnh nội 2)
		Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 3 (TH bệnh nội 2)
		Y tế công cộng
		Sản
		TH lâm sàng Sản
		Nhi
		TH lâm sàng nhi
		Thống kê y học - Nghiên cứu khoa học
Kì	Thời gian	Tên môn học/ mô đun
5	Bắt đầu 07/2027 kết thúc 12/2027	Cấp cứu - cấp cứu ngoại viện
		Lâm sàng Cấp cứu, cấp cứu ngoại viện
		YHCT- PHCN
		Lâm sàng YHCT- PHCN
		Bệnh chuyên khoa
		Lâm sàng bệnh chuyên khoa
		Ung thư

Kì	Thời gian	Tên môn học/ mô đun
6	Bắt đầu 01/2028 kết thúc 05/2028	Tổ chức quản lý y tế
		Thực tập lâm sàng nghề nghiệp
		Khóa luận tốt nghiệp
		Tự chọn

Phụ lục 2: Danh sách sinh viên

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nhóm
1	2511350203	Nguyễn Thái	Bình	06-04-07	Nhóm 1
2	2511350204	Trương Thị Ánh	Dương	07-12-07	
3	2511350205	Nguyễn Gia	Hân	13-05-07	
4	2511350206	Nay	H'Bích	18-03-07	
5	2511350207	Đình Xuân	Hiển	10/04/2001	
6	2511350208	Nguyễn Minh	Hiếu	01-10-06	
7	2511350209	Trần Thị Thảo	Lâm	20-10-07	
8	2511350210	Lê Thị Thu	Linh	10-11-2000	
9	2511350211	Nguyễn Khoa	Luận	27-05-03	
10	2511350212	Nguyễn Quang	Mẫn	30-06-07	
11	2511350213	Nguyễn Thế	Minh	06/12/2007	
12	2511350214	Lê Thị	Mỹ	21-03-07	Nhóm 2
13	2511350215	Đình Thị	Ngân	13/02/2007	
14	2511350216	Trần Như	Ngọc	27-06-07	
15	2511350217	Mai Trọng	Nguyên	21-10-2007	
16	2511350218	Nguyễn Đình	Quân	13-09-07	
17	2511350219	Phan Ngọc	Sơn	25/10/2007	
18	2511350220	Lê Anh	Tiến	22-06-05	
19	2511350221	Trần Trọng	Tín	12-01-07	
20	2511350222	Nguyễn Văn	Tú	17-03-06	
21	2511350223	Phạm Quốc	Thịnh	14-02-07	
22	2511350224	Ngô Gia	Vĩ	07-05-04	

Phụ lục 3: Danh sách người giảng dạy thực hành

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Bùi Thị Thanh Hiền	10/11/1976	- Thạc sĩ - Đại học (bằng thứ 2) - Đại học	-Ngôn ngữ Anh -Tiếng Pháp - Tiếng Anh
2	Đào Thị Thùy Trang	07/11/1994	Thạc sĩ Đại học	Kỹ thuật y học - 2020
3	Đặng Thanh Thúy	27/10/1986	Đại học	Quản trị kinh doanh
4	Hồ Thị Thanh Mai	07/08/1988	Thạc sĩ	Công nghệ y sinh - TN2021
5	Lê Thị Hồng Nhung	29/03/2000	Đại học	Điều dưỡng
6	Lê Thị Kiều Trang	29/08/1991	Đại học	Dược
7	Nguyễn Đăng Đáng	01/01/1972	Đại học	Luật
8	Nguyễn Đức Nhơn	06/01/1993	Thạc Sĩ	Y học
9	Nguyễn Hồng Vân	30/04/1989	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm- 2014
10	Nguyễn Mạnh Cường	26/04/1996	Đại học	Bác sĩ Y khoa
11	Nguyễn Thành Nam	02/11/1993	Thạc sĩ Bác sĩ	Khoa học y sinh - TN 2021 Y học dự phòng- TN2017
12	Nguyễn Thế Dân	09/09/1983	ThS	Luật
13	Nguyễn Thị Cẩm Vân	14/12/1997	Thạc sĩ / Bác sĩ	Sản phụ khoa / Y khoa
14	Nguyễn Thị Dung	10/01/1984	Đại học	Kỹ thuật y học
15	Nguyễn Thị Hoàn	24/11/1901	Đại học	Sư phạm Tiếng anh
16	Nguyễn Thị Hồng Hoanh	08/04/1991	Đại học	Điều dưỡng
17	Nguyễn Thùy Dung	24/07/1991	Thạc sĩ / Bác sĩ	Y học cổ truyền-2022
18	Nguyễn Trường Văn Võ Lâm Tuấn	09/02/1993	Thạc sĩ	Khoa học Điều dưỡng
19	Nguyễn Văn Hòa	13/06/1977	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
20	Nguyễn Văn Minh	05/08/1982	ThS Đại học	Triết học - 2013 Sư phạm giáo dục hành chính
21	Nguyễn Văn Nam	10/12/1979	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị
22	Nguyễn Văn Phước	28/04/1984	Đại học	Công nghệ thông tin
23	Phạm Thị Nho	11/05/1999	Đại học	Ngôn ngữ Anh- 2023

24	Trà Thị Uyên Thao	20/08/1983	Đại học / Chuyên khoa cấp I	Dược / Tổ chức quản lý Dược
25	Trần Thị Hoài Lương	28/08/1999	Đại học	Luật
26	Trần Thị Thủy	10/03/1980	BSCK I	Y học cổ truyền
27	Trần Thị Uyên Thao	02/02/1995	Cử nhân	Xét nghiệm y học
28	Trương Ngọc Dũng	04/05/1966	Thạc sĩ	Văn Hoá Học
29	Võ Minh Tuấn	05/06/1990	Đại học ThS Giáo dục học- 2023	Giáo dục thể chất
30	Võ Thị Hải Phượng	10/10/1992	Thạc sĩ / Dược sĩ	Dược học/ Dược
31	Võ Trung Nở	10/10/1970	Thạc Sĩ / Đại học / Đại học	Y tế cộng đồng / Tiếng Anh / Điều dưỡng đa khoa
32	Vũ Thị Minh	13/04/1984	Đại học	- Sư phạm tiếng Nga - Ngôn ngữ Anh
33	Nguyễn Đức Khôi	22/07/1995	Đại học dược - 2018 BS Y khoa - 2022	Y khoa
34	Nguyễn Trần Thiện Phúc	23/08/1999	Bác sĩ Y khoa	Y khoa

